

NGÔ THỊ PHƯỢNG*
NGUYỄN THỊ THÚY VÂN**

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA MỐI QUAN HỆ GIỮA PHẬT GIÁO VÀ TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN VIỆT NAM

Tóm tắt: *Mối quan hệ, sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam có nguồn gốc từ một số cơ sở lý luận. Đó là, sự tương đồng về mặt tư tưởng, giáo lý của Phật giáo với triết lý nhân sinh của tín ngưỡng dân gian người Việt; sự kết hợp của tinh thần khoan dung tôn giáo và khả năng ứng biến, tâm thức đa thần của người Việt. Bên cạnh đó, sự khác biệt giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian cũng là một cơ sở tạo nên sự kết hợp để bổ sung và cùng tồn tại, đáp ứng những nhu cầu tinh thần, tôn giáo, tín ngưỡng của người Việt. Quan hệ giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian còn thể hiện ở phương thức ứng xử của con người với tự nhiên, xã hội và với chính mình, dựa vào quan niệm về “tính thiêng” trong tôn giáo, tín ngưỡng. Trong quan niệm về “tính thiêng” đó, Phật giáo hay tín ngưỡng dân gian đều hướng tới mục đích dẫn dắt con người trở về hiện thực, với khát vọng về một cuộc sống ấm no, hạnh phúc, an lạc.*

Từ khóa: *Mối quan hệ; Phật giáo; tín ngưỡng dân gian.*

Mở đầu

Trong những năm gần đây, mối quan hệ giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian đã được quan tâm, tìm hiểu, tiếp cận theo các góc độ khác nhau. Từ góc độ tôn giáo học, các nhà nghiên cứu chủ yếu

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

** Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Bài viết thuộc Đề tài *Nghiên cứu mối quan hệ giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam hiện nay*; Mã số: QG. 18.48; Chủ nhiệm đề tài: PGS. TS. Ngô Thị Phượng; Cơ quan chủ trì: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; Thời gian nghiên cứu: Tháng 01/2018- tháng 7/ 2021.

Ngày nhận bài: 15/4/2021; Ngày biên tập: 26/4/2021; Duyệt đăng: 10/5/2021.

khai thác mối quan hệ tác động qua lại giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian, nhằm làm rõ những đặc trưng riêng có của Phật giáo Việt Nam, được tạo ra qua quá trình “bản địa hóa” Phật giáo nguyên thủy và quá trình “Phật giáo hóa” tín ngưỡng dân gian, để từ đó lý giải những tác động hai chiều của mối quan hệ này. Từ góc độ triết học, các nhà nghiên cứu tập trung tìm hiểu và lý giải cội nguồn, cơ sở kinh tế - xã hội - văn hóa của mối quan hệ đó. Theo cách tiếp cận này, giới nghiên cứu chủ yếu nhìn nhận tín ngưỡng dân gian và Phật giáo như là các hình thái ý thức xã hội, là những bộ phận của kiến trúc thượng tầng, bị phụ thuộc và bị chế ước bởi các điều kiện kinh tế - xã hội, chính trị. Cách tiếp cận văn hóa cho thấy, trong giao lưu có thể xảy ra hiện tượng những yếu tố của nền văn hóa này thâm nhập vào nền văn hóa kia (tiếp thu thụ động); hoặc nền văn hóa này vay mượn những yếu tố của nền văn hóa kia (tiếp thu chủ động); rồi trên cơ sở những yếu tố nội sinh và ngoại sinh ấy mà điều chỉnh, cải biên cho phù hợp, dẫn đến sự giao thoa văn hóa. Tuy nhiên, sự phân định thành yếu tố nội sinh và yếu tố ngoại sinh trong một nền văn hóa cụ thể cũng chỉ mang tính tương đối. Vì cùng với thời gian, yếu tố ngoại sinh có thể chuyển thành yếu tố nội sinh, hoặc bị biến đổi một cách căn bản để trở nên phù hợp với nền văn hóa đã tiếp nhận nó. Việc hấp thụ Phật giáo trong nền văn hóa Việt Nam kết hợp với tín ngưỡng dân gian bản địa chính là trường hợp điển hình của việc chuyển hóa nói trên.

Tất nhiên, sự phân chia các cách tiếp cận trong xem xét mối quan hệ giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian chỉ mang tính tương đối, bởi mỗi cách tiếp cận có những ưu thế và hạn chế riêng của mình, song cùng có mục đích chung hướng đến là phân tích và làm rõ hơn mối quan hệ tác động qua lại giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian Việt Nam.

Trên thực tế, mối quan hệ giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam là mối quan hệ khá phức tạp và chỉ có thể giải thích và nhìn nhận toàn diện hơn đối với hiện tượng này dựa trên cơ sở lý luận kết hợp liên ngành.

1. Sự tương đồng về mặt tư tưởng, giáo lý của Phật giáo và triết lý nhân sinh trong tín ngưỡng dân gian của người Việt

Trong bài viết “Mối quan hệ giữa Phật giáo với tôn giáo truyền thống của người Việt Nam - nhìn từ triết học” của Đặng Minh Châu, đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo số 11 năm 2015, đã đưa ra hai cơ sở lý luận: Một là, sự tương đồng về mặt tư tưởng, giáo lý của Phật giáo với triết lý nhân sinh của tôn giáo truyền thống; hai là, tâm thế khai phóng, “tùy nhi hòa đồng” của cả Phật giáo và tôn giáo truyền thống. Sự tương đồng và giao thoa giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian được biểu hiện trên nhiều khía cạnh, như: tư tưởng nhân sinh, nghi lễ, lễ hội, kiến trúc thờ tự, kinh văn, văn học nghệ thuật, diễn xướng,... Ngay từ khi du nhập vào Việt Nam, Phật giáo đã lựa chọn con đường kết hợp, tôn trọng, hòa hợp với văn hóa, tín ngưỡng bản địa làm nền tảng cho sự tồn tại và phát triển. Hình tượng Phật mẫu Man Nương, Tứ pháp (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện) chính là bằng chứng cho sự du nhập của Phật giáo bằng tinh thần “khế lý, khế cơ”, khoan dung, hội nhập với tín ngưỡng bản địa: “Khi Phật giáo du nhập vào Việt Nam, những tư tưởng từ bi, hỷ xả, công bằng, bình đẳng, hướng thiện,... trong giáo lý của nhà Phật rất gần gũi với tinh thần vị tha, bao dung, yêu thương, đùm bọc lẫn nhau trong đạo lý truyền thống của người Việt, nền tảng của những nguyên tắc ứng xử xã hội cổ truyền, nên Phật giáo đã nhanh chóng hoà nhập với các tín ngưỡng bản địa, làm nên nét đặc sắc của văn hóa Việt Nam”¹.

Sự tương đồng trong triết lý, giáo lý, mục tiêu,... của Phật giáo và tín ngưỡng dân gian là cơ sở để hai loại hình này dung hợp với nhau, chứ không phải chỉ có sự tác động một chiều từ Phật giáo đến tín ngưỡng hoặc ngược lại: “Với tâm lý tùy nhi hòa đồng, người Việt đón nhận những triết lý về vô ngã, vô thường, về nghiệp báo luân hồi, về con đường giải thoát khổ đau,... của Phật giáo với sự nồng nhiệt, tinh thần cởi mở và gần gũi. Họ như được sống trong bầu không khí của triết lý dân gian mà khi Phật giáo vào đã được nâng lên thành nhân sinh quan, thành giáo lý”², mặt khác: “tinh thần khế lý, khế cơ của Phật giáo đã giúp những tư tưởng của tôn giáo này nhanh chóng tiếp biến, hòa đồng tạo nên bản sắc”³. Về cơ bản, chúng tôi nhất trí với hai

cơ sở trên đây, tuy nhiên, để luận giải cơ sở lý luận của mối quan hệ này, cần có sự nhìn nhận, bổ sung từ các khía cạnh khác.

Trước hết, cần phải nhấn mạnh rằng, bản thân Phật giáo là một tôn giáo hòa bình, có tính khoan dung rất cao. Phật giáo không phải là một tôn giáo độc thần, không tuyệt đối hóa một vị giáo chủ, giáo lý Phật giáo không có những tư tưởng kỳ thị các tư tưởng hay tín ngưỡng, tôn giáo khác. Chính điều đó đã tạo thuận lợi cho Phật giáo truyền bá đến các khu vực địa lý và văn hóa khác nhau. Do dựa trên tinh thần “tùy duyên”, “khế lý, khế cơ” nên Phật giáo không gây ra mâu thuẫn, xung đột khi tiếp xúc với các nền văn hóa, hay tín ngưỡng, tôn giáo khác, mà chỉ hướng tới sự tự giải thoát của con người để đạt đến sự cân bằng, an lạc. Đây chính là cơ sở đầu tiên, quan trọng nhất để Phật giáo có thể dung hợp với tín ngưỡng dân gian Việt Nam: “Phật giáo không hề ru ngủ người ta bằng sự tối tăm mê muội hay cố đề nén bản ngã người ta bằng cách khoác lên cho mọi người một sự sùng kính thiêng liêng không có thực,... Nó chỉ xóa bỏ bản ngã con người... để giúp con người trở lại “bản lai diện mục”, tức là trở lại tự cân bằng với chính mình”⁴. Với tính mở trong tôn giáo, trong quá trình truyền giáo và hội nhập, Phật giáo sẵn sàng biến đổi, kể cả biến đổi biểu tượng tôn giáo để bản địa hóa Phật giáo: “Sự đông đảo của bàn thờ Phật có thể vừa là sự nảy nở của niệm, vừa là sự nảy nở của thần thánh”⁵.

Nếu nhìn từ góc độ văn hóa, thì chính cái bản sắc văn hóa, khả năng ứng biến (theo cách dùng từ của Giáo sư Trần Quốc Vượng⁶) của người Việt Nam, của lối sống Việt Nam, mới là cái gốc làm nên sự dung hợp này. Khả năng ứng biến này cũng được Giáo sư Cao Xuân Huy coi như một đặc trưng nổi bật của hình thái tư tưởng Việt Nam. Nó được ví như Nước “mềm mại, uyển chuyển mà cũng rất mạnh mẽ, không có hình thù nhất định mà hình thù nào cũng có”⁷. Sự mềm mại, uyển chuyển giúp nước có thể hòa tan, thu nhận vào lòng tất cả mà vẫn giữ được bản chất của mình. Chính điều đó làm nên sự kết hợp đặc sắc của Phật giáo và tín ngưỡng dân gian Việt Nam.

2. Sự khác biệt giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian

Ngoài những điểm tương đồng với tín ngưỡng dân gian Việt Nam, Phật giáo còn có những điểm khác biệt, những khác biệt này là yếu tố

thúc đẩy sự kết hợp và bổ sung cho nhau giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian Việt Nam. Khi nhận định về mối quan hệ giữa Phật giáo và tín ngưỡng thờ Mẫu, có quan điểm cho rằng, Phật giáo thuộc phạm trù tôn giáo triết học, Phật là đạo, Mẫu là đời. Phật trọng “nhân duyên nghiệp báo”. Tín đồ của Mẫu tôn thờ đa thần, chú trọng dựa vào tha lực. Phật thoát tục, Mẫu thế tục. Phật diệt ngã, tự tại, trang nghiêm, hướng con người đến sự giải thoát. Mẫu tôn xưng bản ngã, giàu ước vọng nhưng gần gũi với muôn mặt đời thường, thiên về nhân sinh. Phật giáo gắn liền với trí tuệ, từ bi, Mẫu gắn chặt với thế giới tâm hồn con người,... Bởi tính chất đa dạng, cởi mở, hồn nhiên, dễ dung nạp mà tục thờ Mẫu sớm trở thành một đặc trưng tinh túy của phong vị dân gian, lưu giữ mạch sống của tâm hồn dân tộc, tiềm tàng sức mạnh tinh thần to lớn và bền bỉ, là bản chất nội sinh của cội nguồn văn hóa cộng đồng, có khả năng thích nghi linh hoạt với mọi điều kiện sống. Vì vậy, sức sống của nó cũng mãnh liệt, linh hoạt, bao quát như chính bản thân sự sống⁸. Cũng có quan điểm cho rằng, tín ngưỡng chú trọng “sinh”, “phồn thực”, sự sinh tồn, còn Phật giáo chú trọng “chết”. Nói cách khác, Phật giáo không phải không quan tâm đến cuộc sống, hạnh phúc của con người, nhưng xem mục đích tối cao là sự giải thoát, về cuộc sống sau khi chết, về Niết bàn, về thế giới Tây Phương Cực lạc. Phật giáo đề cập nhiều đến thế giới quan, nhân sinh quan, quy luật của vũ trụ, đến bản thể, v.v... tức là những vấn đề mang tính triết lý cao siêu. Trong khi đó, tín ngưỡng dân gian chú trọng đến việc thoả mãn nhu cầu thiết thực trong cuộc sống hằng ngày của con người như sức khỏe, làm ăn, sản xuất, kinh doanh, cầu tài lộc, v.v... Sự kết hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian khiến các ngôi chùa Phật giáo đến gần hơn với đời sống nhân gian: “Điện mẫu trong chùa đã tạo nên không khí ‘ấm cúng’, nhộn nhịp hơn cho các ngôi chùa làng”⁹. Chính những điều khác biệt, có phần đối lập đó khiến cho Phật giáo và tín ngưỡng dân gian gắn kết, cùng tồn tại với nhau, cùng đáp ứng những nhu cầu tinh thần của người dân Việt Nam.

3. Tâm thức đa thần, truyền thống khoan dung của người Việt và nhu cầu của người thực hành tôn giáo, tín ngưỡng

Một cơ sở lý luận không kém phần quan trọng về mối quan hệ giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian Việt Nam chính là tâm thức đa thần

của người Việt Nam (hay là đặc tính đa niềm tin tôn giáo của người Việt). Trước khi Phật giáo vào Việt Nam, người dân Việt Nam có niềm tin và thực hành nhiều loại hình tín ngưỡng dân gian khác nhau: thờ cúng tổ tiên, thờ thần, thánh, thờ nữ thần, thờ Mẫu, v.v... Đáng lưu ý là, người dân cùng lúc có niềm tin vào nhiều vị thần linh khác nhau, thực hành nhiều hình thức tín ngưỡng, nghi lễ đối với các đối tượng thiêng khác nhau. Chính vì thế, việc du nhập của Phật giáo vào Việt Nam, nhất là khi tôn giáo này lại không gây ra xung đột, giáo lý lại có nhiều điểm tương đồng, v.v... thì không có lý do gì khiến người dân Việt Nam chối từ Phật giáo. Cơ sở này còn được lý giải ở một góc độ tiếp cận khác khi cho rằng, để hóa giải mọi sự độc tôn về ý thức hệ, đặc biệt là Nho giáo, nên người Việt đã tạo ra một đời sống tôn giáo, tín ngưỡng phong phú để đạt tới sự cân bằng vị thế trên phương diện tâm thức xã hội¹⁰. Có vẻ như chính tinh thần từ bi, hỷ xả, sự dân thân và hướng thiện trong giáo lý nhà Phật đã trở thành “một đối trọng tâm linh làm trung hòa, loãng nhọt tính khắc nghiệt mang tính đẳng cấp tôn ti của đạo Nho chính thống”¹¹.

Cũng không thể không kể đến ảnh hưởng của dòng chảy văn hóa khoan dung của người Việt, đã có tác động không nhỏ giúp cho sự kết hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian Việt Nam trở nên nhuần nhuyễn và tự nhiên như nó vốn thể trong xã hội Việt Nam. Chính những điều kiện tự nhiên, lịch sử, văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội là những cơ sở căn bản làm nên tinh thần khoan dung của người Việt. Nhưng, khoan dung tôn giáo của người Việt là sự khoan dung có nguyên tắc. Đó là sự dung hợp biện chứng của tâm thức người Việt với các tôn giáo ngoại lai theo cách thức “hòa” mà không “đồng”: “Người Việt đã dung hợp những cái đối lập với nhau thành một hợp đề thống nhất, mà không phải là một sự hỗn hợp, pha trộn chiết trung ở hình thức. Nó là sự hợp hóa, biện chứng sinh thành, trong đó các yếu tố mâu thuẫn biến thành một thể thống nhất trong đa dạng, phong phú, phù hợp với điều kiện sinh tồn, tâm lý của dân tộc, cho dù chúng khác nhau và đến từ các ngã đường khác nhau”¹². Chính tinh thần khoan dung này cho thấy, đối tượng thờ cúng ở cả Phật giáo và tín ngưỡng dân gian luôn có sự đan xen, hòa đồng.

Bên cạnh đó, chúng ta thấy, nhu cầu của người dân, nhu cầu của những người thực hành tín ngưỡng dân gian và nhu cầu của các tăng sĩ Phật giáo đều mong muốn có sự gắn bó giữa tín ngưỡng dân gian với Phật giáo. Câu chuyện sư Khâu Đà La và Man Nương cho thấy một chi tiết: Man Nương là cô gái thôn quê, khi biết Khâu Đà La đến giảng đạo, Man Nương đã đến nghe và quyết tâm học đạo. Với tâm thức đa thần và tâm lý cởi mở, người Việt rất quan tâm đến những cái mới, dễ dàng tiếp thu văn hóa, tín ngưỡng của các dân tộc khác. Khi nói về nhu cầu của người dân và những người thực hành tín ngưỡng dân gian, đây không hẳn chỉ là nhu cầu thoả mãn niềm tin tôn giáo, nhu cầu có thêm đối tượng thờ cúng để gia tăng cảm giác an toàn hiện sinh, thêm cảm giác được che chở, phù hộ, mà còn thể hiện ở chỗ chính các đối tượng này có thể cũng nhận thấy những sự thiếu hụt của các loại hình tín ngưỡng dân gian và họ hy vọng là Phật giáo có thể bù đắp vào chỗ thiếu hụt đó. Những đối tượng này mong muốn các đối tượng thiêng, các đối tượng được thờ cúng trong các loại hình tín ngưỡng dân gian cũng phải được nâng cao vị thế, hay nói cách khác là gia tăng sức mạnh, quyền năng,... Chính vì vậy mới xuất hiện các hình tượng Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện. Những vị thần nông nghiệp trong tín ngưỡng dân gian đã được đặt vào vị trí của các vị phật. Tiếp theo, mối quan hệ giữa Phật giáo với tín ngưỡng còn dựa trên nhu cầu của chính Phật giáo. Phật giáo nhận thấy người Việt đa phần đều có tín ngưỡng dân gian, tín ngưỡng dân gian đã ăn sâu trong tâm thức và trở thành căn tính văn hóa của người Việt, không thể xoá bỏ được. Để tồn tại trong văn hóa Việt, Phật giáo không thể không nương tựa vào tín ngưỡng dân gian. Và để đáp ứng được nhu cầu của người dân, Phật giáo phải thích nghi, biến đổi, phải bản địa hoá. Như chúng ta đã biết, các vị tăng sĩ Phật giáo có một vai trò hết sức quan trọng trong các cộng đồng dân cư. Các vị này không chỉ thực hành giáo lý Phật giáo, mà còn am hiểu Nho giáo, Lão giáo và văn hóa truyền thống. Do vậy, các vị này được cộng đồng dân cư tin tưởng, khi có các công việc cần thiết, họ đều nhờ cậy đến sư. Sư không chỉ đóng vai trò của nhà tu hành Phật giáo, mà còn đáp ứng nhu cầu cúng bái, xem ngày giờ, thực hành các nghi lễ cầu an, v.v...

4. Quan niệm về tính “thiên” trong Phật giáo và tín ngưỡng dân gian

Xét từ góc độ triết học, Phật giáo hay tín ngưỡng dân gian đều là sản phẩm của những điều kiện sinh hoạt vật chất và tinh thần nơi nó ra đời, tồn tại và trong sự dịch chuyển của chúng ở những vùng địa lý và các giai đoạn lịch sử khác nhau. Chúng đều là sự thể hiện phương thức ứng xử của con người với tự nhiên, xã hội và với chính mình, dựa vào cách quan niệm về “tính thiên” trong tôn giáo, tín ngưỡng. Con người tôn giáo, với thân phận bé nhỏ trong vũ trụ bao la, huyền bí, chỉ biết tôn sùng, biết ơn hoặc sợ hãi trước những sức mạnh của lực lượng siêu nhiên, mà niềm tin và việc thực hành các nghi lễ tôn giáo, tín ngưỡng sẽ giúp hóa giải sự sợ hãi, “vận xui”, đem đến cuộc sống an lành, no đủ, như một phương tiện, một chỗ dựa tinh thần cho sự tồn tại của họ. Trong quan niệm về “tính thiên” đó, Phật giáo hay tín ngưỡng dân gian cũng đều hướng tới mục đích dẫn dắt con người trở về hiện thực, với khát vọng về một cuộc sống ấm no, hạnh phúc, an lạc.

Có thể lấy tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt là một ví dụ. Từ các nguyên nhân kinh tế, xã hội mà tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ở Việt Nam trở thành một trong những tín ngưỡng dân gian lâu đời và phổ biến của người Việt. Phan Kế Bính coi tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là một tập tục thể hiện sự thành kính đối với tổ tiên, như một nghĩa vụ đạo đức của con người¹³. Nó thể hiện mối liên hệ, sự thành kính, biết ơn, tôn sùng của người sống với người chết. Nó như cầu nối giữa quá khứ, hiện tại và tương lai. Người Việt tin rằng có mối liên hệ giữa người sống với thần linh, tổ tiên, họ tin vào những quyền năng vô hình của thần linh và tiên tổ trong việc cứu vớt, phù hộ độ trì cho những người đang sống và khi được thiên hóa bằng các nghi thức và đối tượng thờ cúng thì hình thức tín ngưỡng này đã gặp ở Phật giáo, với sự pha trộn của Thiên- Mặt- Tịnh khi du nhập và tiếp biến ở Việt Nam, những nghi lễ bổ sung cho sự hoàn thiện về mặt lý luận của loại hình tín ngưỡng này. Việc xuất hiện những gian thờ Tổ, thờ Hậu, lễ Vu lan hay lễ cầu siêu trong các ngôi chùa là những minh chứng sinh động cho hiện tượng này. Nó không chỉ là sự

tưởng nhớ, ngưỡng mộ người đã khuất, mong muốn người chết siêu thoát, nhanh chóng được chuyển kiếp mà còn là sự nhờ cậy thần thánh, tổ tiên phù hộ cho những người đang sống, v.v... Đó là sự tiếp biến vô cùng biện chứng và linh hoạt của cả Phật giáo và tín ngưỡng dân gian, bởi cùng tìm thấy sự tương đồng trong cách ứng xử của con người với tổ tiên, thần, phật: “Như vậy, không chỉ Phật giáo dung hợp với tín ngưỡng tổ tiên để tồn tại mà tín ngưỡng này cũng cần đến Phật giáo như một điểm tựa tinh thần có tính chất hệ thống lý luận cho các quan niệm tâm linh”¹⁴.

Tạm kết

Như vậy, mối quan hệ, sự dung hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian Việt Nam là một sự tiếp biến trong sự tương đồng và khác biệt. Người Việt, với niềm tin và truyền thống tín ngưỡng đã ăn sâu vào máu thịt, kết hợp với một tôn giáo mở có nhiều điểm tương đồng như Phật giáo, đã tạo nên sự kết hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian, từ đó hình thành những nét đặc sắc trong văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam. Mối quan hệ này thể hiện tinh thần biện chứng sâu sắc của tư duy phương Đông mà vẫn rất đặc thù Việt Nam trong tính “đi bất biến, ứng vạn biến”. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Đặng Minh Châu (2015), “Mối quan hệ giữa Phật giáo với tôn giáo truyền thống của người Việt Nam - Nhìn từ triết học”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 11, tr. 35.
- 2 Đặng Minh Châu (2015), Bđd, tr. 37.
- 3 Đặng Minh Châu (2015), Bđd, tr. 38.
- 4 Cao Xuân Huy (1994), *Tư tưởng phương Đông gợi những điểm nhìn tham chiếu*, (Nguyễn Huệ Chi soạn, chú, giới thiệu), Nxb. Văn học, Hà Nội, tr. 21.
- 5 Phan Cẩm Thượng (2017), *Tập tục đời người (Văn hóa tập tục của người nông dân Việt Nam thế kỷ 19- 20)*, Nxb. Nhã Nam, tr. 432.
- 6 Trần Quốc Vượng (2000), *Văn hóa Việt Nam: Tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb. Văn hóa dân tộc - Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, tr. 49.
- 7 Cao Xuân Huy (1994), Sđd, tr. 23.
- 8 Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội (2018), *Phật giáo với tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Hà Nội, tr. 247.

- 9 Ngô Đức Thịnh (2012), *Đạo Mẫu Việt Nam*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 41.
- 10 Cao Xuân Huy (1994), Sdd, tr. 22- 23.
- 11 Nguyễn Thừa Hỷ (2011), *Văn hóa Việt Nam truyền thống - Một góc nhìn*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, tr. 305-306.
- 12 Đỗ Lan Hiền (2011), *Khoan dung tôn giáo với dân chủ, đoàn kết và đồng thuận xã hội: Trường hợp Việt Nam*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, tr. 66.
- 13 Phan Kế Bính (1995), *Việt Nam phong tục*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 20-21.
- 14 Ngô Đức Thịnh (chủ biên, 2001), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 65.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Kế Bính (1995), *Việt Nam phong tục*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Đặng Minh Châu (1015), “Mối quan hệ giữa Phật giáo với tôn giáo truyền thống của người Việt Nam - nhìn từ triết học”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 11.
3. Đỗ Lan Hiền (2011), *Khoan dung tôn giáo với dân chủ, đoàn kết và đồng thuận xã hội: Trường hợp Việt Nam*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
4. Nguyễn Thừa Hỷ (2011), *Văn hóa Việt Nam truyền thống - Một góc nhìn*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
5. Cao Xuân Huy (1994), *Tư tưởng phương Đông gợi những điểm nhìn tham chiếu*, (Nguyễn Huệ Chi soạn, chú, giới thiệu), Nxb. Văn học, Hà Nội.
6. Ngô Đức Thịnh (chủ biên, 2001), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Ngô Đức Thịnh (2012), *Đạo Mẫu Việt Nam*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
8. Phan Cẩm Thượng (2017), *Tập tục đời người (Văn hóa tập tục của người nông dân Việt Nam thế kỷ 19- 20)*, Nxb. Nhã Nam, Hà Nội.
9. Trần Quốc Vượng (2000), *Văn hóa Việt Nam: Tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb. Văn hóa dân tộc – Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, Hà Nội.
10. Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà nội (2018), *Phật giáo với tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Hà Nội.

Abstract**THEORETICAL BASIS OF THE RELATIONSHIP BETWEEN
BUDDHISM AND FOLK BELIEFS IN VIETNAM****Ngo Thi Phuong***University of Social Sciences and Humanities,
VNU Hanoi***Nguyen Thi Thuy Van***University of Social Sciences and Humanities,
VNU Hanoi*

The relationship and fusion between Buddhism and folk beliefs in Vietnam have originated from some theoretical bases such as the similarity in terms of ideas and teachings of Buddhism with the human philosophy of Vietnamese folk beliefs; the combination of religious tolerance and the polytheistic mind of the Vietnamese. Besides, the difference between Buddhism and folk beliefs is also a basis for creating a combination to complement and coexist, meeting the spiritual needs of the Vietnamese. The relationship between Buddhism and folk beliefs is also reflected in behaving with nature, society, and human beings based on the conception of “sacredness”. Buddhism and folk beliefs aim to lead people to reality with the desire for a prosperous, happy, and peaceful life.

Keywords: Buddhism; folk beliefs; relationship.